

Số: 150/NMĐSH1-TM

Hậu Giang, ngày 24 tháng 01 năm 2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa cho gói thầu
GT2025-SCĐK-37- Mua sắm VTTT phần
Bearing & Shaft seal Phần 1

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm cho gói thầu GT2025-SCĐK-37- Mua sắm VTTT phần Bearing & Shaft seal Phần 1, NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:
 - Danh mục hàng hóa: như Phụ lục đính kèm
 - Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2023 trở lại đây.
 - Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO, CQ/các tài liệu liên quan khác.
2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp chào thời gian tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 10h00 ngày 10/02/2025.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: giangtth@pvpqb.vn; hanhhx@pvpqb.vn; quocvl@pvpqb.vn

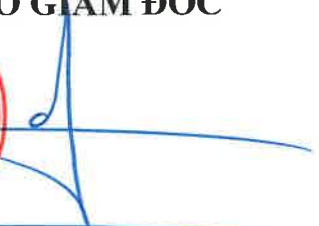
NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD nhà máy (để b/c);
- Phòng: KTATMT;
- Lưu VT, TM (V.L.Q).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC: DANH MỤC VẬT TƯ THAY THẾ
GT2025-SCĐK-37- Mua sắm VTTT phần Bearing & Shaft seal Phần 1

Đính kèm Công văn số.....150...../NMĐSH1-TM, ngày 24.../01/2025 của NMNĐ Sông Hậu 1

STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
I	PHẦN ĐIỆN					
1	Bearing	Bearing 6312-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 85,2 kN; - Tải trọng tĩnh: 52 kN; - Vận tốc tham khảo: 11,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5.600 v/ph;	SKF	14	PC	
2	Bearing	Bearing 6209-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 35,1 kN; - Tải trọng tĩnh: 21,6 kN; - Vận tốc tham khảo: 17,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8.500 v/ph;	SKF	24	PC	
3	Bearing	Bearing: 6206 -2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 20.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 11.2 kN; - Vận tốc tham khảo: 24,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 12.000 v/ph;	SKF	78	PC	
4	Bearing	Bearing: 6202-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 8.06 kN; - Tải trọng tĩnh: 3.75 kN; - Vận tốc tham khảo: 43,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 22.000 v/ph;	SKF	20	PC	
5	Bearing	Bearing: 6204-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 13.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 6.55 kN; - Vận tốc tham khảo: 32,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 17.000 v/ph;	SKF	40	PC	
6	Bearing	Bearing: 6203-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 9.95 kN; - Tải trọng tĩnh: 4.75 kN; - Vận tốc tham khảo: 38,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 19.000 v/ph;	SKF	19	PC	
7	Bearing	Bearing: 6308-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 42.3 kN - Tải trọng tĩnh: 24 kN - Vận tốc tham khảo: 17 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8 500 v/ph;	SKF	6	PC	
8	Bearing	Bearing: 6208-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 32,5 kN - Tải trọng tĩnh: 19 kN - Vận tốc tham khảo: 18 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9.000 v/ph;	SKF	44	PC	



STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
9	Bearing	Bearing: 6205-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 14.8kN; - Tải trọng tĩnh: 7.8 kN; - Vận tốc tham khảo: 28,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 14,000 v/ph;	SKF	37	PC	
10	Bearing	Bearing 6306-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 29.6 kN; - Tải trọng tĩnh: 16 kN; - Vận tốc tham khảo: 20,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 11,000 v/ph;	SKF	16	PC	
11	Bearing	Bearing: 6310-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 65 kN; - Tải trọng tĩnh: 38 kN; - Vận tốc tham khảo: 13,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6,700 v/ph;	SKF	12	PC	
12	Bearing	Bearing: 6212-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 36 kN; - Vận tốc tham khảo: 13,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6,300 v/ph;	SKF	4	PC	
13	Bearing	Bearing: 6212-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 36 kN; - Vận tốc tham khảo: 13,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6,300 v/ph;	SKF	12	PC	
14	Bearing	Bearing: 6206-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 20.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 11.2 kN; - Vận tốc tham khảo: 24,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 12,000 v/ph;	SKF	36	PC	
15	Bearing	Bearing 6205-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 14,8 kN; - Tải trọng tĩnh: 7,8 kN; - Vận tốc tham khảo: 28,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 14,000 v/ph;	SKF	4	PC	
16	Bearing	Bearing: 6319/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 159 kN; - Tải trọng tĩnh: 118 kN; - Vận tốc tham khảo: 7,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4,500 v/ph;	SKF	4	PC	
17	Bearing	Bearing: 6316/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 130 kN; - Tải trọng tĩnh: 86.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 8,500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5,300 v/ph;	SKF	13	PC	

STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
18	Bearing	Bearing: 6313/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 97.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 60 kN; - Vận tốc tham khảo: 10,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6.700 v/ph;	SKF	8	PC	
19	Bearing	Bearing: 6004-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 9.95 kN; - Tải trọng tĩnh: 5 kN; - Vận tốc tham khảo: 38,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 19.000 v/ph;	SKF	16	PC	
20	Bearing	Bearing: 6313-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 97.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 60 kN; - Vận tốc tham khảo: 10,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6.700 v/ph;	SKF	11	PC	
21	Bearing	Bearing: 6213-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 58.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 40.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 12,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 7.500 v/ph;	SKF	8	PC	
22	Bearing	Bearing: 6313-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 97.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 60 kN; - Vận tốc tham khảo: 10,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5.300 v/ph;	SKF	4	PC	
23	Bearing	Bearing: 6213-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 58.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 40.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 12,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6.000 v/ph;	SKF	4	PC	
24	Bearing	Bearing 6209-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 35,1 kN; - Tải trọng tĩnh: 21,6 kN; - Vận tốc tham khảo: 17,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8.500 v/ph;	SKF	8	PC	
25	Bearing	Bearing: NU 319 ECM/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 390 kN; - Tải trọng tĩnh: 390 kN; - Vận tốc tham khảo: 3600 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4300 v/ph;	SKF	5	PC	
26	Bearing	Bearing 6311-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 74,1 kN; - Tải trọng tĩnh: 45 kN; - Vận tốc tham khảo: 12,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6.300 v/ph;	SKF	14	PC	

STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
27	Bearing	Bearing: 6315/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 119 kN; - Tải trọng tĩnh: 76.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 9,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5,600 v/ph;	SKF	16	PC	
28	Bearing	Bearing 6207-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 27 kN; - Tải trọng tĩnh: 15.3 kN; - Vận tốc tham khảo: 20,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 10,000 v/ph;	SKF	6	PC	
29	Bearing	Bearing 6309-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 31.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 15,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 7,500 v/ph;	SKF	2	PC	
30	Bearing	Bearing 6208-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 32.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 19 kN; - Vận tốc tham khảo: 18,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9,000 v/ph;	SKF	2	PC	
31	Bearing	Bearing: 6211-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 46,2 kN; - Tải trọng tĩnh: 29 kN; - Vận tốc tham khảo: 14,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9,000 v/ph;	SKF	3	PC	
32	Bearing	Bearing: 3312 A/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 127 kN; - Tải trọng tĩnh: 95 kN; - Vận tốc tham khảo: 5,600 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5,000 v/ph;	SKF	2	PC	
II	PHẦN CƠ NHIỆT					
33	Bearing	Bearing: 6316 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 130 kN; - Tải trọng tĩnh: 86.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 8,500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5,300 v/ph;	NSK	8	PC	
34	Bearing	Bearing: 6308/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 42.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 24 kN; - Vận tốc tham khảo: 17000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 11000 v/ph;	NSK	16	PC	

STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
35	Bearing	Bearing: 6217-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 87.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 64 kN; - Vận tốc tham khảo: 9000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4500 v/ph;	SKF	8	PC	
36	Bearing	7313	SKF	8	PC	
37	OIL SEAL	Size: Ø50 x Ø72 x 12T Material: NBR	SKF	4	PC	
38	OIL SEAL	Size: Ø80 x Ø105 x 13T Material: NBR	SKF	4	PC	
39	OIL SEAL	Size: Ø90 x Ø120 x 13T Material: NBR	SKF	4	PC	
40	Bearing	Bearing: 6212-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 53.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 36 kN; - Vận tốc tham khảo: 13000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6300 v/ph;	SKF	8	PC	
41	Bearing	7310	SKF	16	PC	
42	OIL SEAL	Size: Ø40 x Ø62 x 11T Material: NBR	SKF	4	PC	
43	OIL SEAL	Size: Ø60 x Ø82 x 12T Material: NBR	SKF	4	PC	
44	OIL SEAL	Size: Ø75 x Ø100 x 13T Material: NBR	SKF	4	PC	
45	Bearing	Bearing: 6311 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 74.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 45 kN; - Vận tốc tham khảo: 12000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8000 v/ph;	SKF	16	PC	
46	Bearing	Bearing: 6309 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 53.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 31.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 15000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9500 v/ph;	SKF	8	PC	
47	Bearing	Bearing: 6312-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 85.2 kN; - Tải trọng tĩnh: 52 kN; - Vận tốc tham khảo: 11000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5600 v/ph;	SKF	8	PC	
48	OIL SEAL	Size: Ø40 x Ø58 x 11T Material: NBR		8	PC	
49	Bearing	Bearing: 6318 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 151 kN; - Tải trọng tĩnh: 108 kN; - Vận tốc tham khảo: 7500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4800 v/ph;	SKF	20	pc	

STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
50	Bearing	Bearing: 6308 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 42.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 24 kN; - Vận tốc tham khảo: 17000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 11000 v/ph;	SKF	3	PC	
51	Bearing	3308	SKF	3	PC	
52	OIL SEAL	Material: NBR Size: 50x70x11T	SKF	12	PC	
53	OVER RUNNING CLUTCH	MG-600	SAMBO CLUTCH	4	PC	
54	Bearing	6312/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động : 85.2kN - Tải trọng tĩnh: 52 kN - Vận tốc tham khảo: 11 000 r/min - Vận tốc giới hạn: 7 000 r/min	SKF	8	pc	
55	Ball bearing	6311 2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động :74.1 kN - Tải trọng tĩnh: 45 kN - Vận tốc tham khảo: 12 000 r/min - Vận tốc giới hạn: 6 300 r/min	SKF	8	PC	



Yêu cầu khác:

- Nhà cung cấp chào giá hàng hóa ghi rõ NSX và xuất xứ hàng hóa để Nhà máy xem xét;
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang;
- Chất lượng hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2023 trở lại đây;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ CO, CQ (bản gốc hoặc bản photo công chứng) do cơ quan có thẩm quyền cấp/tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành theo tiêu chuẩn NSX: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng.
 - + Tài liệu của nhà sản xuất hàng hóa.
- + Nhà cung cấp được tạm ứng 10% giá trị hàng hóa trước thuế trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Giá trị tạm ứng này sẽ được thu hồi dần qua các đợt thanh toán và phải bảo đảm thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng, tỷ lệ thu hồi tạm ứng từng đợt thanh toán là 12,5% giá trị thanh toán trước thuế của từng đợt.
- + Nhà cung cấp sẽ được thanh toán 95% giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo từng đợt giao hàng (sau khi trừ giá trị thu hồi tạm ứng, giá trị phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại (nếu có)). 05% giá trị giữ lại sẽ được hoàn trả cho Nhà cung cấp khi kết thúc thời hạn bảo hành và Hai Bên ký biên bản quyết toán Hợp đồng. Nhà cung cấp có thể thay thế tiền giữ lại bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo mẫu được Chủ đầu tư chấp nhận với số tiền tương đương giá trị giữ lại.